TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HS-ST
Ngày 12-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy, ông Hoàng Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Giang - Thư ký Tòa án nhân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị B1 Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2023/TLST-HS ngày 07-8-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-HS ngày 28-8-2023, đối với các bị cáo:

1. Chu Thị Thanh H; tên gọi khác: không; sinh ngày 27 tháng 12 năm 1969 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Tổ 8, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Đình G, sinh năm 1926 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1926; chồng: Lê H1, sinh năm 1970 (đã ly hôn); con: Có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Phạm Văn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 24 tháng 10 năm 1964 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn Đ 2, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Quang N (đã chết) và bà: Nguyễn Thị X, sinh năm 1936; vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Khổng Thị N1; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 15 tháng 5 năm 1964 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Tổ 7, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề

nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Khổng Văn N2, sinh năm 1932 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1938; chồng: Nguyễn Ngọc H3, sinh năm 1971; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Trần Thị B; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 05 tháng 10 năm 1976 tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Tổ 5, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn K, sinh năm: 1925 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L2, sinh năm 1945; chồng: Nguyễn Hồng H4, sinh năm 1973; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Nguyễn Thị B1; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 08 tháng 3 năm 1971 tại tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: Tổ 7, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân N3, sinh năm: 1945 (đã chết) và bà: Trần Thị C, sinh năm 1945 (đã chết); chồng: Đỗ Danh Q, sinh năm 1966; con: Có 01 con, sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*** Người làm chứng:** Chị Nguyễn Thị H5; sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 5, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

*** Người chứng kiến:** Bà Nguyễn Thị N4; sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ 5, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 17-5-2023, Nguyễn Thị B1 rủ Chu Thị Thanh H, Khổng Thị N1, Trần Thị B, Phạm Văn T đến số nhà 22, ngõ 09, đường L, thuộc tổ 05, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái để ăn cơm cùng B1 và em gái ruột của B1 là Nguyễn Thị H5. Sau khi ăn cơm xong, H đi ra khỏi nhà để đi tìm thuê nhà.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, lúc này trong nhà có B1, H, N1, B, T. H nói với mọi người: "Chơi tý sâm cho vui" và được những người còn lại đồng ý. B1 đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ mang về để ở chiếc chiếu mà mọi người vừa cùng nhau ngồi ăn cơm trước đó. Trực tiếp tham gia chơi gồm có H, N1, B, T, còn B1

ngồi ngoài xem. H, N1, B, T thống nhất hình thức đánh bạc là: Sử dụng một bộ bài tú lơ khơ 52 quân; các quân bài lớn dần theo thứ tự từ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, A. Dây là các quân bài có dãy số liên tiếp, dây lớn hơn có thể chặn dây nhỏ hơn. Đôi là hai quân bài giống nhau, đôi lớn hơn có thể chặn đôi nhỏ hơn. Ba là ba quân bài giống nhau có thể được chặn bởi ba quân giống nhau lớn hơn. Tứ quý là bốn quân bài giống nhau sẽ chặn được 2. Tứ quý lớn hơn sẽ chặn được tứ quý nhỏ hơn. Ván chơi đầu tiên bất kể người nào cũng có thể chia bài cho mỗi người 10 quân bài, ai có quân bài "3 bích" thì được đi trước. Giá tiền chơi là 10.000 đồng/một quân bài. Trong một ván bài, nếu không có người "sâm" thì người nào đánh hết bài trên tay trước thì thắng, những người còn lại tính số quân bài chưa đánh được còn trên tay nhân với số tiền 10.000 đồng để trả cho người thắng. Người "báo sâm" thắng là khi đánh hết bài không ai có bài để chặn, người "báo sâm" thành công sẽ được thu của mỗi người còn lại số tiền 200.00 đồng, người "báo sâm" bị "bắt sâm" thì sẽ phải trả tổng số tiền là 600.000 đồng cho "người bắt sâm". "Treo" là khi có người về nhất trong ván bài, người treo không đánh được quân bài nào (còn nguyên mười quân bài trên tay), người bị "treo" sẽ phải trả số tiền 150.000 đồng cho người thắng.

Trong quá trình đánh bạc, H thấy có một ván bài có thể "báo sâm" nên đã rủ B1 theo (tham gia cùng) một ván với số tiền theo là 100.000 đồng. Nếu H thua thì B1 sẽ phải đưa H số tiền 100.000 đồng để H trả cho người thắng, nếu H thắng sẽ đưa B1 số tiền 100.000 đồng. Ván này do H "sâm" thành công nên đã đưa cho B1 100.000 đồng, sau đó B1 tự dùng số tiền này đi mua hoa quả cho H, N1, B, T cùng ăn. Trong khi các bị cáo đang đánh bạc thì H về, H không tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi ăn hoa quả và sử dụng điện thoại.

Tổng số tiền H, N1, B, T mang theo và sử dụng để đánh bạc là 12.700.000 đồng. Cụ thể mức độ các bị cáo được, thua như sau:

Phạm Văn T sử dụng 6.000.000 đồng mục đích để đánh bạc, T đang bị thua 800.000 đồng, còn lại 5.200.000 đồng.

Chu Thị Thanh H sử dụng 3.000.000 đồng mục đích để đánh bạc, H đang bị thua số tiền 400.000 đồng và 100.000 đồng khi thắng "sâm" đã đưa cho B1. H còn lại 2.500.000 đồng.

Khổng Thị N1 sử dụng 2.000.000 đồng mục đích để đánh bạc, N1 đang thắng được 290.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 2.290.000 đồng.

Trần Thị B sử dụng 1.700.000 đồng để đánh bạc, B đang thắng được 910.000 đồng. Tổng số tiền B dùng để đánh bạc là 2.610.000 đồng.

Nguyễn Thị B1 theo (tham gia cùng) một ván "Sâm" với Chu Thị Thanh H và B1 thắng được tổng số tiền 100.000 đồng.

Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác của đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố Yên Bái bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, mặt sau màu đỏ; 01 chiếc chiếu nhựa kích thước khoảng 1,8 x 2m và tổng số tiền 12.600.000 đồng, trong đó: Chu Thị Thanh H tự nguyện giao nộp 2.500.000 đồng; Khổng Thị N1 tự nguyện giao nộp 2.290.000 đồng; Trần Thị B tự nguyện giao nộp 2.610.000 đồng; Phạm Văn T tự nguyện giao nộp 5.200.000 đồng, trong đó thu trên chiếu tại vị trí của Phạm Văn T đang ngồi đánh bạc 1.200.000 đồng, T tự nguyện lấy ở trong túi quần sooc bên phải đang mặc trên người ra 4.000.000 đồng.

Cáo trạng số 66/CT-VKSTP ngày 07-8-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố Chu Thị Thanh H, Phạm Văn T, Khổng Thị N1, Trần Thị B và Nguyễn Thị B1 về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Chu Thị Thanh H, Trần Thị B, Khổng Thị N1, Phạm Văn T và Nguyễn Thị B1 phạm tội: "Đánh bạc".

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Chu Thị Thanh H từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Khổng Thị N1 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị B từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B1 từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt các bị cáo Chu Thị Thanh H, Phạm Văn T, Khổng Thị N1, Trần Thị B mỗi bị cáo từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; phạt bị cáo Nguyễn Thị B1 từ 10.000.000 đồng đến 15 triệu đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân, mặt sau màu đỏ; 01 chiếc chiếu nhựa kích thước khoảng 1,8 x 2m, tình trạng đã qua sử dụng. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 12.600.000 đồng

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, không tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, vật chứng bị thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 17-5-2023, tại số nhà 22, ngõ 09, đường L thuộc tổ 5, phường Y, thành phố Y là nhà thuộc quyền quản lý của Nguyễn Thị B1, các bị cáo Chu Thị Thanh H, Trần Thị B, Khổng Thị N1, Phạm Văn T và Nguyễn Thị B1 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh "Sâm" với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 12.700.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố đối với các bị cáo Chu Thị Thanh H,

Trần Thị B, Khổng Thị N1, Phạm Văn T và Nguyễn Thị B1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội, gây mất trật tự, an toàn và trị an trên địa bàn. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi của bản thân, biết được hành vi đánh bạc là sát phạt nhau bằng tiền, tước đoạt sức lao động của nhau một cách bất hợp pháp, là tệ nạn xã hội có tác động tiêu cực đến từng cá nhân, gia đình, xã hội, là nguồn gốc phát sinh các tội phạm khác nhưng vẫn cố tình thực hiện, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo nói riêng và góp phần phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, các bị cáo có vai trò ngang nhau. Các bị cáo Chu Thị Thanh H, Trần Thị B, Khổng Thị N1, Phạm Văn T cùng đồng thuận rủ nhau đánh bạc, cả 04 bị cáo đều tham gia đánh bạc ngay từ đầu, số tiền thu giữ trên chiếu và trên người các bị cáo mục đích để đánh bạc là 12.600.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị B1 đồng ý cho các bị cáo H, B, N1, T sử dụng nơi ở của mình để đánh bạc, đi mua tú lơ khơ và tham gia đánh bạc 01 ván bằng hình thức mượn bài của bị cáo H, thắng được 100.000 đồng, số tiền tham gia đánh bạc không lớn.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Chu Thị Thanh H, Phạm Văn T, Khổng Thị N1, Trần Thị B và Nguyễn Thị B1 chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc Trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo H và bị cáo T có bố đẻ là người có công với cách mạng, được tặng thưởng nhiều huân chương nên ngoài các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, các bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Chu Thị Thanh H, Phạm Văn T, Khổng Thị N1, Trần Thị B và Nguyễn Thị B1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo có không có tiền án, tiền sự; có hai tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, trong đó bị cáo H và bị cáo T có thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, ổn định, rõ ràng. Căn cứ quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cho các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Cần phạt các bị cáo một khoản tiền nộp Ngân sách Nhà nước.

[7] Về những người liên quan khác:

Đối với Nguyễn Thị H5 là người ở nhờ nhà của bị cáo Nguyễn Thị B1: Do H5 không tham gia và không liên quan đến hành vi đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái không xem xét trách nhiệm đối H5 trong vụ án này là phù hợp.

Đối với Đặng Văn T2 là chủ sở hữu hợp pháp của ngôi nhà số 22, đã cho Nguyễn Thị B1 thuê để ở từ năm 2021: T2 không biết việc B1 sử dụng ngôi nhà để thực hiện hành vi đánh bạc. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái không xem xét trách nhiệm đối với T2 trong vụ án này là phù hợp.

[8] Về vật chứng:

- Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân, mặt sau màu đỏ; 01 chiếc chiếu nhựa kích thước khoảng 1,8 x 2m, tình trạng đã qua sử dụng: Đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, xét không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy.

- Số tiền 12.600.000 đồng được niêm phong trong 05 phong bì giấy là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo Chu Thị Thanh H, Phạm Văn T, Khổng Thị N1, Trần Thị B và Nguyễn Thị B1 phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[11] Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Chu Thị Thanh H, Phạm Văn T, Khổng Thị N1, Trần Thị B và Nguyễn Thị B1 phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Chu Thị Thanh H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm **(**ngày 12-9-2023).

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm **(**ngày 12-9-2023).

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Khổng Thị N1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm **(**ngày 12-9-2023).

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2.4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị B 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm **(**ngày 12-9-2023).

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2.5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm **(**ngày 12-9-2023).

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

3. Giao các bị cáo Chu Thị Thanh H, Khổng Thị N1, Trần Thị B và Nguyễn Thị B1 cho Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục

trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1 Tịch thu tiêu hủy:

- 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân, mặt sau màu đỏ.

- 01 chiếc chiếu nhựa kích thước khoảng 1,8 x 2m, tình trạng đã qua sử dụng.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 12.600.000 đồng *(mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng)* được niêm phong trong 05 phong bì.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10-8-2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, giảm, miễn, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Chu Thị Thanh H, Phạm Văn T, Khổng Thị N1, Trần Thị B và Nguyễn Thị B1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo Chu Thị Thanh H, Phạm Văn T, Khổng Thị N1, Trần Thị B và Nguyễn Thị B1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7,7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP Yên Bái;
- Công an TP; HSNV;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Bị cáo (5);
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Kim Anh